

Bản án số: 128/2017/HSST
Ngày: 02-11-2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thường

Các hội thẩm: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung
2. Ông Nguyễn Bá Thịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 126/2017/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2017/QĐST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Đặng Thái H; sinh ngày 04 tháng 01 năm 1999 tại Cần Thơ.

Nơi cư trú: Ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Ky tô giáo; quốc tịch: Việt Nam; cha: Đặng Văn L, mẹ: Bùi Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 27/7/2017 (Có mặt).

2. Nguyễn Thành Đ; sinh ngày 31 tháng 7 năm 1997 tại Bạc Liêu

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Ky tô giáo; quốc tịch: Việt Nam; cha: Nguyễn Văn L, mẹ: Lưu Thị Đ; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 27/7/2017 (Có mặt).

Bị hại:

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1979 (Có mặt).

- Bà Hoàng Thị Bích T, sinh năm 2000 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1987 (vắng mặt).
Địa chỉ: Khu 2, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Nguyễn Thị S (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Ông Nguyễn Bình D (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Thái H và Nguyễn Thành Đ là bạn bè với nhau. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2016 đến tháng 12 năm 2016, H và Đ đã nhiều lần thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Tân Thành, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 9 giờ ngày 25/10/2016, H rủ Đ đi trộm cắp tài sản. Đ đồng ý. H chuẩn bị 01 đoạn tự chế rồi cả hai đi đến khu vực xã Phước H, huyện Tân Thành xem nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà bà Trần Thị N thì phát hiện có chiếc xe mô tô hiệu Wayec BKS 72V1-8907 dựng bên hiên nhà, không người trông coi, Đ đứng ngoài cảnh giới, H đi vào dùng đoạn tự chế bẻ khóa, nổ máy xe chở Đ về xã Tân Hải. Sau đó H mang xe đi bán cho một người không rõ nhân thân được 1.600.000 đồng. H chia cho Đ 500.000 đồng, số tiền còn lại H sử dụng riêng.

Tại bản kết luận số: 66/KL ngày 04/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Thành kết luận: 01 chiếc xe mô tô hiệu Wayec BKS 72V1-8907 trị giá 3.010.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 9 giờ 00 ngày 10/11/2016, H và Đ quay lại nhà bà Nhu để trộm cắp tài sản. Khi phát hiện trong nhà bà Nhu có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da- Cup 50 BKS 79889 CA đang dựng trong nhà nên H đứng ngoài cảnh giới, Đ đi vào bên trong mở cửa, lấy chìa khóa xe trên tủ đựng chén đĩa rồi dắt xe ra ngoài giao cho H. Sau đó, H mang xe đến vừa phế liệu của Nguyễn Thị Bán được 1.900.000 đồng. H chia cho Đ 500.000 đồng, số tiền còn lại H sử dụng riêng.

Vụ thứ ba: Cũng với thủ đoạn tương tự, khoảng 10 giờ ngày 09/12/2016 H và Đ tiếp tục đến nhà bà Nhu để trộm cắp tài sản. Đ đứng ngoài cảnh giới, H đi vào lấy trộm 01 chiếc xe mô tô hiệu Dyor, BKS 72k9-9568 rồi dắt ra ngoài thì bị bà Nhu phát hiện tri hô nhưng H và Đ đã điều khiển xe chạy thoát và H nhờ một người bạn tên K (không rõ lai lịch) mang xe đi bán được 2.100.000 đồng. H cho Kim 300.000 đồng, Đ 500.000 đồng còn lại tiêu xài hết.

Tại bản kết luận số: 64/KL ngày 04/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Thành kết luận: 01 chiếc xe mô tô hiệu Dyor, BKS 72k9-9568 trị giá 2.400.000 đồng.

Vụ thứ 4: Vào khoảng 18 giờ ngày 21/11/2016, H đến nhà bà Nguyễn Thị Hồng V lấy trộm 01 chiếc máy tính bảng hiệu Ipad Air II, màu đen để trên kệ ti vi

rồi bán cho một người không rõ lai lịch tại khu công nghiệp Phú Mỹ 3 với giá 1.200.000 đồng, số tiền trên hiện đã sử dụng hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 68/KL ngày 04/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Thành kết luận: 01 chiếc máy tính bảng hiệu Ipad Air II, màu đen trị giá 8.009.000 đồng.

Ngoài ra khoảng 0 giờ 30 phút ngày 11/12/2016, H và Đ quay lại nhà bà Nhu để trộm cắp tài sản, tại đây H và Đ đã lấy trộm được 01 chiếc máy tính bảng hiệu Wing màu trắng của chị Hoàng Thị Bích T. Sau đó H mang máy tính bảng đến tiệm điện thoại “B và T” bán cho anh Nguyễn Bình D được 1.800.000 đồng, H chia cho Đ 700.000 đồng, số tiền còn lại H tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 67/KL ngày 04/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Thành kết luận: 01 chiếc máy tính bảng hiệu Wing màu trắng trị giá 1.718.400 đồng.

Tại bản cáo trạng số 130/KSĐT-KT ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã truy tố Đặng Thái H và Nguyễn Thành Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Về vật chứng vụ án: Không.

Về trách nhiệm dân sự: bà Trần Thị N yêu cầu mỗi bị cáo bồi thường: 7.500.000 đồng, chị Hoàng Thị Bích T yêu cầu mỗi bị cáo bồi thường 1000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Hồng V yêu cầu bị cáo Đặng Thái H bồi thường 8.009.000 đồng.

Trên cơ sở việc hỏi và tranh luận giữa những người tham gia tố tụng được diễn ra công khai, dân chủ và không bị hạn chế,

Tại phiên tòa Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hành quyền công tố trình bày lời luận tội đã phân tích, đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra; phân tích nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm h, o, p khoản 1 Điều 46, Điều 69, 74 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Thái H từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường lại giá trị những tài sản bị mất không thu hồi được cho người bị hại theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Không.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến về luận tội của Kiểm sát viên, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh, không oan; thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá hay các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vụ án có hai bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng giữa các bị cáo không có sự phân công vai trò nhiệm vụ rõ ràng, chặt chẽ, cụ thể nên hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm gián đơn, không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

Lời khai nhận tội của các bị cáo Tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2016 đến tháng 12/2016, Đặng Thái H và Nguyễn Thành Đ đã nhiều lần thực hiện các vụ trộm cắp tài sản cụ thể:

Đặng Thái H và Nguyễn Thành Đ đã 03 lần trộm tài sản của bà Nguyễn Thị Nhu với tổng giá trị tài sản là: 9.410.000 đồng; 01 lần trộm tài sản của chị Hoàng Thị Bích T với giá trị tài sản được xác định là 1.718.400 đồng.

Đặng Thái H trộm tài sản của chị Nguyễn Thị Hồng V với giá trị tài sản được xác định là 8.009.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên khi so sánh hình phạt của Điều 138 và Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì Điều 173 quy định về hình phạt nhẹ hơn so với Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Căn cứ vào các quy định của pháp luật hiện hành, hành vi phạm tội của các bị cáo được áp dụng Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương, gây tâm lí hoang mang trên địa bàn, bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp

luật, sẽ bị xử lý nghiêm nhưng vì tham lam nên vẫn cố ý thực hiện. Do đó đối với các bị cáo cần phải có một mức hình phạt nghiêm khắc mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự khai nhận về hành vi phạm tội trước đó. Đó là những tình tiết cần áp dụng điểm h, o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Đặng Thái H thực hiện hành vi phạm tội khi chưa thành niên nên cần áp dụng các quy định tại các Điều 69, 74 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Thành Đ thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, bị cáo Đặng Thái H thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo H tham gia với vai trò tích cực hơn bị cáo Đ cụ thể: Bị cáo trực tiếp trộm cắp tài sản, mang tài sản đi tiêu thụ và hưởng lợi nhiều hơn do đó đối với bị cáo H thì mức hình phạt phải cao hơn bị cáo Đ mới đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Về xử lý vật chứng: không

Về trách nhiệm dân sự: .

Hội đồng xét xử xét thấy tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt hiện không thể thu hồi để trả lại cho các bị hại. Nên buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo giá của hội đồng định giá đã xác định. Do đó yêu cầu này của các bị hại là có căn cứ và hợp pháp nên được chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên đây:

Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Đặng Thái H bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng V số tiền là 8.009.000 đồng.

Buộc các bị cáo Đặng Thái H và Nguyễn Thành Đ bồi thường cho bà Nguyễn Thị Nhu số tiền là: 9.410.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường là 4.705.000 đồng.

Buộc các bị cáo Đặng Thái H và Nguyễn Thành Đ bồi thường cho chị Hoàng Thị Bích T số tiền là 1.718.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường là 859.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Thái H, Nguyễn Thành Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm h, o, p khoản 1 Điều 46, các Điều 69, 74 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Đặng Thái H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/7/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm h, o, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/7/2017.

Về xử lý vật chứng: Không xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đặng Thái H phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho các bị hại, cụ thể như sau:

Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng V số tiền là 8.009.000 đ (Tám triệu không trăm lẻ chín ngàn đồng), bà Trần Thị N 4.705.000 đ (Bốn triệu, bảy trăm lẻ năm ngàn đồng), bà Hoàng Thị Bích T số tiền là 859.000 đ (Tám trăm năm mươi chín ngàn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Thành Đ bồi thường cho bà Trần Thị N 4.705.000 đ (Bốn triệu, bảy trăm lẻ năm ngàn đồng), bà Hoàng Thị Bích T số tiền là 859.000 đ (Tám trăm năm mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải thanh toán thêm số tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 22 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đặng Thái H, Nguyễn Thành Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đặng Thái H phải nộp 678.000 đ (Sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng), bị cáo Nguyễn Thành Đ phải nộp 278.000 đ (Hai trăm bảy mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị cáo được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Công an huyện Tân Thành (02);
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV27 Công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Xuân Thường